

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-HĐBT ngày 01/02/2024; ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 269/TTr-STNMT ngày 11/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **1.740.506.680 đồng**, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 1.706.379.098 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) : 34.127.582 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 3.413.000 đồng; đã bao gồm chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 2.389.000 đồng).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ngân sách nhà nước.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

ren

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DO GPMB
Dự án: Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại khu vực 2, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

ST T	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)		
			Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
1	Nguyễn Công Dũng	5A Nguyễn Thiếp, TP. Quy Nhơn	26.113.120	134.410.198	160.523.318
2	Dương Văn La, vợ Nguyễn Thị Sáng	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	97.512.150	123.655.400	221.167.550
3	Nguyễn Đức Trường	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	14.429.420	14.429.420
4	Nguyễn Đức Chiến	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	59.537.367	59.537.367
5	Nguyễn Đức Sinh	Tổ 9, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	19.979.311	19.979.311
6	Trần Đình Trọng, vợ Nguyễn Thị Thu Trang	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	34.906.600	34.906.600
7	Trịnh Thị Liệu	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	39.400.030	39.400.030
8	Văn Tấn Mười	207A Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn	0	16.791.774	16.791.774
9	Huỳnh Văn Cùng	xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân	0	5.792.462	5.792.462
10	Huỳnh Văn Chánh	161 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn	0	8.198.866	8.198.866
11	Chu Thị Phi	14 Ý Lan, TP. Quy Nhơn	0	5.792.462	5.792.462
12	Nguyễn Thị Hồng	293/12 Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn	0	1.310.138	1.310.138
13	Nguyễn Văn Khoa	Tổ 21, KV4, P. Ghềnh Ráng	0	17.762.810	17.762.810
14	Võ Sáo	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	29.758.171	29.758.171
15	Trần Minh Hoàng, vợ Phan Thị Tuyết Sương	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	230.605.969	230.605.969
16	Nguyễn Quang Hiệp	Tổ 17, KV3, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn	0	25.124.600	25.124.600
17	Phạm Thị Thọ	92/21 Hai Bà Trưng, TP. Quy Nhơn	0	46.613.130	46.613.130
18	Phạm Văn Nam	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	91.430.760	91.430.760
19	Nguyễn Thái Linh	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	58.483.129	58.483.129
20	Trịnh Ngọc Linh	30 Nguyễn Nhạc, TP. Quy Nhơn	0	9.008.320	9.008.320
21	Nguyễn Thành Lợi	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	49.337.581	49.337.581
22	Nguyễn Ngọc Long	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	16.664.326	16.664.326
23	Phạm Thị Ngọc, con Nguyễn Duy Giang	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	14.739.102	14.739.102
24	Trần Thị Thái, con Dương Minh Điệp	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	63.933.659	63.933.659
25	Phạm Ngọc Hạnh	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	177.729.040	177.729.040
26	Huỳnh Duy Thái	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	42.556.976	42.556.976

ST T	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)		
			Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
27	Nguyễn Văn Vinh, vợ Nguyễn Thị Minh Thư	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	159.432.060	159.432.060
28	Huỳnh Kim Hùng, vợ Hồ Thị Thủy	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	0	85.370.168	85.370.168
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ		123.625.270	1.582.753.828	1.706.379.098
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB 2%: (A) x 2%				34.127.582
C	Tổng cộng (A) + (B)				1.740.506.680